

Mật Tạng Bộ 3 \_ No.1123 (Tr.528 \_ Tr.531)

## KIM CƯƠNG ĐỈNH THẮNG SƠ DU GIÀ PHỔ HIỀN BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP

Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện\_Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí BẤT  
KHÔNG phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Quy mệnh lễ **Phổ Hiền**  
**Pháp Giới Chân Như Thế**  
Nay Ta y Đại Giáo  
**Kim Cương Đỉnh Thắng Sơ**  
Lược thuật nghi tu hành  
**Thắng Sơ Kim Cương Giới**  
Hải Hội các Thánh Chúng  
Ban vui nhìn gia hộ  
Lợi ích người tu hành  
Vì thế nên kết tập  
Nếu muốn cầu Giải Thoát  
Y chỗ A Xà Lê  
Cầu nhận nơi Quán Đỉnh  
Nếu được hứa khả xong  
Mới y Bản Giáo tu  
Chọn lựa được Thắng Xứ  
Kiến lập nơi Luân Đàn  
Tức nên tưởng thân mình  
Đồng với **Thế Phổ Hiền**  
Màu trắng như kha tuyết  
Ngồi thẳng nhập Tam Muội  
Trên lờn tưởng **Ngũ Cổ**  
**Chày Kim Cương** tinh diệu  
Mật tụng Chân Ngôn này  
Đồng một Pháp Giới tịnh  
Liên tụng Chân Ngôn là:

“**An, sa-phộc bà phộc thú độ hàm**”

ॐ 唵 嚩 囉 嚩 囉 嚩 囉 嚩 囉

OM SVABHÀVA ‘SUDDHA UHAM

Do tụng Chân Ngôn này  
Thân Khí đều thanh tịnh

\_Quán Phật ở hư không  
Trần khắp như hạt mè  
Liên tụng **Biến Chiếu Minh**  
Thấy chư Phật rõ ràng  
**Quán Phật Chân Ngôn** là:  
“**Khiêm, phộc nhật-la đà đô**”  
唵 𑖀𑖩𑖫𑖭  
KHAM VAJRADHĀTU  
Ứng mãn **Hạnh Phổ Hiền**  
Cầu thành Tối Chính Giác

\_Thân tâm chẳng dao động  
Trong Định, lễ chư Phật  
Liên tụng Chân Ngôn là:  
“**An, tát phộc đát tha nga đa, bá nã mãn nã nam, ca lỗ nhĩ**”  
唵 𑖀𑖩𑖫𑖭 𑖀𑖩𑖫𑖭 𑖀𑖩𑖫𑖭 𑖀𑖩𑖫𑖭 𑖀𑖩𑖫𑖭 𑖀𑖩𑖫𑖭  
OM SARVA THATHĀGATA PĀDA VANDANĀM KARA UMI  
Bản Tôn Đại Ấn thành

\_Tiếp kết **Kim Cương Chưởng**  
Hợp chặt giao phần đầu  
Mật Ngôn xưng như vậy:  
“**Phộc nhật-la nhạ lý**”  
𑖀𑖩𑖫𑖭  
VAJRA JĀLI  
Liên tác **Kim Cương Phộc**  
**Minh** ấy, bày như sau:  
“**Phộc nhật-la mãn đà**”  
𑖀𑖩𑖫𑖭  
VAJRA-BANDHA

\_Mở Phộc, đẩy vỡ tim  
Nên tụng Mật Ngôn là:  
“**Phộc nhật-la mãn đà, đát-la tra**”  
𑖀𑖩𑖫𑖭 𑖀𑖩𑖫𑖭

## VAJRA-BANDHA TRÀṬ

\_Tiếp Kim Cương Phộc trước  
Mở Thiên Trí (2 ngón cái) Đàn Tuệ (2 ngón út)  
Xưng khắp vào Chân Ngôn  
Giáng lâm mỗi gia trì  
**“Phộc nhật-la phệ xá, ác”**  
𑖀𑖩 𑖔𑖩𑖩 𑖔  
VAJRA AVI'SA AḤ

\_Chẳng sửa Khế lúc trước  
Thiên Trí (2 ngón cái) gia Tiến Lực (2 ngón trở)  
Đây là Tam Muội Quyền  
Chân Ngôn tụng như vậy:  
**“Phộc nhật-la mẫu sắt-trí, hàm”**  
𑖀𑖩 𑖔𑖩 𑖀  
VAJRA MUṢṬI VAM

\_Chia quyền ấy làm hai  
Trái mạn (ngạo mạn) phải an tim  
Thân Ngữ Ý Kim Cương  
Hình thể như Sơ Quán (Quán lúc ban đầu)  
Đồng Phộc trước làm chuẩn  
Trí (ngón cái trái) và Tiến (ngón trở phải) như cửa  
Thiên (ngón cái phải) ép ở giữa ấy  
**Bí Mật Tam Muội Khế**  
Ấn: tim, trán, họng, đỉnh  
Đều tụng Chân Ngôn này:  
**“Tố la đa, tát-đát-noan”**  
𑖔𑖩𑖩 𑖀  
SURATA STVAM

\_Kim Cương Phộc giao bày  
Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) thành dạng đao  
Tiến Lực (2 ngón trở) vịn cạnh đao  
Y vạch đầu thứ nhất  
Thiên (ngón cái phải) đè ở đầu Trí (ngón cái trái)  
Như thế ngồi Kiết Già

Ấn đỉnh, tim nên tưởng  
**Tỳ Lô Giá Na Phật** (Vairocana Buddha)  
Trang nghiêm màu trắng tinh  
Tụng Chân Ngôn này là:  
**“An, bộ khiêm”**  
ॐ ॐ ॐ  
OM BHÙH KHAM

\_Tiếp nên ấn vầng trán  
Nên tưởng **A Súc Bệ** (Akṣobhya Buddha\_ Bất Động Phật)  
Màu xanh ở phía trước  
Tụng Mật Minh này là:  
**“Phộc nhật-la tát đát-phộc”**  
ॐ ॐ ॐ  
VAJRA-SATVA  
T

\_iếp án bên phải đỉnh  
Tên là **Bảo Sinh Tôn** (Ratnasambhava Buddha\_ Bảo Sinh Phật)  
Tướng đoan nghiêm màu vàng  
Chân Ngôn tụng như vậy:  
**“Phộc nhật-la la đát-na”**  
ॐ ॐ ॐ  
VAJRARATNA

\_Nâng để phía sau đỉnh  
**Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitayus Buddha)  
Nghị thù đặc màu đỏ  
Xưng Chân Ngôn này là:  
**“Phộc nhật-la đạt ma”**  
ॐ ॐ ॐ  
VAJRA-DHARMA

\_Lại để bên trái đỉnh  
**Bất Không Thành Tựu Tôn** (Amoghasiddhi Buddha)  
Màu lục, đồng năm Phật  
Xưng Mật Minh này là:  
**“Phộc nhật-la yết ma”**  
ॐ ॐ ॐ

## VAJRA-KARMA

\_Tiếp tác **Bảo Man Khế**

Quán Đỉnh dùng nghiêm thân

Đem hai Kim Cương Quyền

Quấn vòng quanh trước trán

Lại chia quyền sau ót

Như trước cột vòng hoa

Từ Đàn Tuệ (2 ngón út) mở dần

Buông xuống ở hai bên

Như tưởng rũ đai lụa

Tụng tiếp Chân Ngôn sau:

**“An, phộc nhật-la ma la, tịch tru tả mãn, hàm”**

ॐ वज्रमाला अभिसंका मम वाम

OM VAJRAMĀLA ABHISIMCA MAM VAM

\_Đều duỗi cánh Đỉnh Tuệ (2 bàn tay)

Cùng thành tựu **Phách Khế**

Hay thích tất cả Thánh

Chân Ngôn xứng như vậy:

**“Phộc nhật-la đồ sử-dã, hộc”**

वज्र तुष्य हः

VAJRA TUṢYA HOḤ

\_**Kim Cương Mạn Ấn Minh**

Lắng tâm tụng một biến:

**“Tát noan, cũ lỗ, dã tha, tố khiếm”**

सर्वं कुरु यथा सुखं

SARVAM KURU YATHA SUKHAM

\_Lại đủ Minh như trên

Mão Kim Cương Tát Đỏa (Varasatva)

Dùng sắc thân năm Phật

An trụ Ấn tương ứng

**Biến Chiếu Bạc Già Phạm** (Vairocana bhagavam)

**Khế** trụ Kim Cương Quyền


\_Tiếp Đông, **A Súc Bệ** (Akṣobhya)

Định vũ (tay trái) cầm góc áo  
Thành quyền an trên tim  
Tuệ (tay phải) chạm đất như Nghi

**\_Thí Nguyên Bảo Sinh Tôn (Ratnasambhava)**  
Trí chưởng (lòng bàn tay phải) ngửa ngang vú

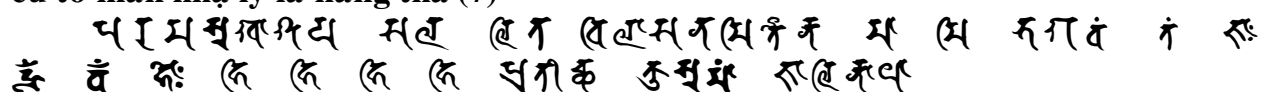
**\_Vô Lượng Quang (Amitàbha) Thắng Ấn**  
Định Quyền (quyền trái) mạn cầm sen  
Tuệ quyền (Quyền phải) tựa bóc hoa

**\_Lại như Vô Động Phật (Akṣobhya)**  
Trí Vũ (tay phải) tương ba phan (3 cây phan)  
Như bạt tế Hữu Tình  
Giương chưởng ở bên vú  
**Bất Không Thành Tự Ấn (Amoghasiddhi mudra)**

**\_ Lại tác Kim Cương Phộc**  
Mở chưởng hợp Thiên Trí (2 ngón cái)  
Đàn Tuệ (2 ngón út) như ngọn núi  
Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) vào trong chưởng  
Hợp nhau như mũi tên  
Ấn: tim, trán, cổ họng  
Ở đỉnh cũng như thế  
Đều dùng Tâm Mật Ngữ:  
**“Hồng”**  
  
HÙM

**\_Liên dâng nước thơm ấy**  
Xưng **Át Già Minh** sau:

**“Bả la ma tố khư xá dã (1) Sa la lý đa (2) Vĩ la sa năng nhĩ đỏi la-năng ma  
nhĩ bà nga noan, đam (3) nhược hồng noan hộc (4) Tứ tứ tứ tứ (5) Bát-la để xa (6)  
củ tố mãn nhạ lý la-năng tha (7)”**



PARAMASUKHÀ'SAYA \_ SALALITA \_ VILÀSANAMITAURNA MÀ MI  
BHAGAVAM TAM \_ JAḤ HÙM VAM HOḤ \_ HI HI HI HI \_ PRATÌCCHA \_  
KASUMÀM JALIRNÀTHÀ

Gần vầng trán dăng hiến  
Như Nghi tẩm Thánh Chúng

\_Y trước quán trăng đầy  
Trắng tinh hiện trong Đàn  
Đại Thánh ở khoảng giữa  
Khế trụ **Kim Cương Mạn**

\_Lại bày bốn Tôn Vị  
Mắt, mũi tên ngay trước  
Màu đỏ, quần áo đỏ  
Mão tóc dùng nghiêm sức  
Hai tay giương cung tên  
Nghi ngửa nhìn Tát Đỏa  
Kế Lý Kế La Tôn (Kìlikìla)

\_Màu trắng ở bên phải  
Kim Cương Quyền hai tay  
Giao ôm Tam Muội Gia  
Ở sau, gọi là **Ái**

\_Hình, mắt đều màu xanh  
Hai quyền dựng Tuệ Tý (cánh tay phải)  
Định vũ (tay trái) nâng chỏ phải  
Cùng cầm phướng Ma Kiệt  
Bên trái gọi là **Mạn**

\_Màu vàng, quyền tại háng  
Hương trái hơi cúi đầu  
**Yết Ma Ấn Chân Ngôn**

Gia trì để an lập  
**Đại Thánh Kim Cương Mạn**  
Nên tụng Tâm Mật Ngôn:

“**Hàm**”

Ḥ

HÙM

Các Tôn bày thứ tự  
Khởi đầu từ con mắt

Hai quyền đều bền chắc  
Nghỉ giường cung bông tên  
Tướng Mật Khế đã thành

**Bí Minh**, tụng như sau:

**“Nhuộc, phộc nhật-la địa-lý sắt-tri, sa dã kế, ma tra”**

𑖀 𑖑𑖔 𑖑𑖕 𑖑𑖖𑖗 𑖑𑖘𑖙 𑖑𑖚

JAḤ \_ VAJRA DRṢṬI SAYAKE MAṬ

Dựa quyền trước, hai vũ (2 tay)

Giao cánh tay ôm ngực

**Kế Lý Kế La Tôn** (Kilikila Nàtha)

Nên tụng câu sau này:

**“Hàm, phộc nhật-la kế lợi cát lệ, hàm”**

𑖀 𑖑𑖔 𑖑𑖕 𑖑𑖖𑖗 𑖑𑖘𑖙 𑖑𑖚

HUM VAJRA-KILIKILE HUM

Lại sửa tiếp Ấn trước

Tuệ Tý (cánh tay phải) dựng như phượng

Định quyền (quyền trái) nâng cùi chỏ

Tụng Minh tên **Ai Khế**

**“Hàm, phộc nhật-li nễ, sa-ma la , la tra”**

𑖀 𑖑𑖔𑖕 𑖑𑖖𑖗 𑖑𑖘𑖙 𑖑𑖚

VAM VAJRINI SMÀRA RAṬ

Hai quyền đều ở háng

Nghiêng đầu về vai trái

Tướng Mạn Khế mới thành

Chân Ngôn tụng như sau:

**“Hộc, phộc nhật-la ca minh thấp-phộc li, dát-lam”**

𑖀 𑖑𑖔𑖕 𑖑𑖖𑖗 𑖑𑖘𑖙 𑖑𑖚

HOḤ VAJRA-KÀME'SVARI TRÀM

Tiếp bày **Nội Cúng Dương**

Khởi đầu góc Đông Nam

Hình dâng hoa, áo trắng

**Kim Cương Diệu Thích Duyệt**

**Kim Cương Thích Duyệt Tính**

Màu đen cầm lư hương



Kim Cương Nhãn hiển đèn  
Màu sắc đỏ nghiêm sức  
Bụi làm ĐỒ Hương Vị  
Kim Cương Đại Cát Tường  
Hình chất đều màu vàng

\_ Tiếp bày tướng Khế ấy  
Trước tiên, hai quyền múa  
Như Nghi vừa kết thành  
Dùng hai Kim Cương Quyền  
Kèm lên trên bung ném  
Tướng diệu hoa cúng dường  
Chân Ngôn xưng như sau:  
**“Hê, phộc nhật-la la để”**  
ॐ वज्रं रतिः  
HE VAJRA RATIH

Kèm quyền xuống dưới, ném  
Như biển mây hương đốt (Thieu Hương)  
Tràn lan khắp tất cả  
Tụng Chân Ngôn như sau:  
**“Ma ha la đa, phộc nhật-la hộc”**  
ॐ महा रता वज्रं हः  
MAHÀ RATA VAJRA HOH

Hai quyền hợp Thiên Trí (2 ngón cái)  
Như đèn, nên vận tưởng  
Rộng thí làm Phật sự  
Mật Ngôn xưng như vậy:  
**“An, phộc nhật-la lộ giả ninh”**  
ॐ वज्रं लोचने  
OM VAJRA LOCANE

Kèm che hai quyền ấy  
Y ôm hai hương buồng  
Như thế Diệu ĐỒ Hương  
Nên tụng Chân Ngôn này:  
**“Ma ha thất-lị phộc nhật-lị, tứ”**

महास्रीवज्र ह्रीः  
MAHÀ'SRÌ-VAJRI HIIH

\_Các Tôn Ngoại Cúng Đường  
Bốn góc lại tồn tướng  
Đông Nam tên Hy Hý  
Hai quyền để ngang tim  
**Tiểu** ngụ ở Tây Nam  
Hai vũ (2 tay) buông bên miệng  
**Ca** trụ ở Tây Bắc  
Đàn , cầm Không Hầu ấy  
Đông Bắc **Vũ** là tên  
Như Nghi, thế xoay chuyển  
Hình, quần áo màu vàng

Chân Ngôn Khế lại bày  
Che kèm ở hai quyền  
Buộc tim chuyển bên phải  
Đây là **Hy Hý Ấn**  
Minh ấy xưng như sau:  
**“Hê, la để, phộc nhật-la, vĩ la tứ nễ, đát-la tra”**  
𑖀 𑖩𑖦 𑖑𑖥𑖫𑖪𑖨𑖩 𑖑𑖥  
HE RATI VAJRA-VILASINI TRAT

Như trước ấn bên miệng  
Từ Đàn Tuệ (2 ngón út) buông dần  
Giương chưởng duỗi cánh tay  
Cười mỉm (hàm tiểu) tụng Chân Ngôn:  
**“Hê, la để, phộc nhật-la hạ tế, ha ha”**  
𑖀 𑖩𑖦 𑖑𑖥𑖫𑖪 𑖀 𑖀  
HE RATI VAJRA-HASE HA HA

Định Tý (cánh tay trái) như Không Hầu (một loại đàn)  
Sửa Tiến Lực (2 ngón trở) hơi co  
Tuệ vũ (tay phải) thế gảy đàn  
Là **Ca** , tụng Minh ấy:  
**“Hê, la để, phộc nhật-la nghi để, để để”**  
𑖀 𑖩𑖦 𑖑𑖥𑖫𑖪𑖩𑖦 𑖩𑖦

HE RATI VAJRA-GÌTE TE TE

Hai quyền múa ở tim

Hợp trên đỉnh liên bông

Tên là **Vũ Khế Tướng**

Chân Ngôn Cú liên bày:

**“Hê, la đê, phộc nhật-la nễ-ly đế, phệ ba phệ ba”**

𑖀 𑖩𑖦 𑖀𑖩𑖦𑖩𑖩 𑖀𑖩 𑖀𑖩

HE RATI VAJRA-NṚTYE VEPA VEPA

\_Bốn **Thừa Chi** ở cửa

Hình Nghi lại diễn bày

Sơ (khởi đầu) **Trì Câu** (AMKU'SA\_Câu)màu xanh

Nghiêm lệ ở tại cửa

Đông **Trì Sách** (PÀ'SA\_Sách) màu vàng

Tây **Trì Tỏa** (SPHOTA\_Tỏa)màu đỏ

Bắc ấy tên là **Khánh** (GHAMṬA\_Linh)

Mão tóc màu xanh lục

Bí Khế với Chân Ngôn

Thứ tự nay sẽ nói

Lưng hai quyền lấn nhau

Ngược Đàn Tuệ (2 ngón út) móc nhau

Tiến Lực (2 ngón trỏ) duỗi hết mức

Lại hơi co Tiến Độ (Ngón trỏ phải)

Hơi triệu là **Câu Khế**

Minh ấy xứng như sau:

**“Phộc nhật-lãng củ thế, nhược”**

𑖀𑖩𑖦𑖩𑖩 𑖀𑖩

VAJRA AMKU'SE JAḤ

Ấn trước giao Tiến Lực (2 ngón trỏ)

Ngược đem đầu vịn nhau

Chính giữa như vòng dây

Xứng tụng Chân Ngôn sau:

**“Phộc nhật-la bá thế, hồng”**

𑖀𑖩𑖦𑖩𑖩 𑖀𑖩

VAJRA PÀ'SE HÙM

Sửa Tiến Lực (2 ngón trở) móc nhau  
Mở lưng quyền giao tý (giao cánh tay)

Liên thành tên **Tỏa Khế**

Mật Ngôn xứng như vậy:

**“Phộc nhật-la thương ca lệ, hàm”**

𑖔𑖕𑖖𑖗𑖘𑖙

VAJRA ‘SAMKARE VAM

Như Tỏa, lưng dính nhau

Lay động, **Khánh Minh** là:

**“Phộc nhật-la kiến tai, hộc”**

𑖔𑖕𑖖𑖗𑖘𑖙

VAJRA GHAMṬE HOḤ

Đại Thánh nơi nghiêm sức

Tòa Hoa với quần áo

Còn lại nhìn Tôn trước

Màu sắc tùy thân tướng

Hình thù đủ mọi Đức

Đầu đội mào năm Phật

Xây dựng Mạn Trà La (Maṇḍala)

Các **địa vị** tôn tướng

Vành trăng tròn sáng hiện

Trong đó nên Quán Niệm

Bán Già, mặt Bản Tôn

Vui thích trụ chiêm ngưỡng

\_Lại nói Tam Muội Gia

Bản Tôn, trước đã bày

Khế ấy với Chân Ngôn

Như Nghi đừng sai lầm

Tôn khác, tiếp nên làm

Cũng mắt, tên (mũi tên) làm trước

Chỉ sự Hộ Thân ấy

**Đại Lạc Tùy Tâm Ấn**

Co gập hết Tiến Lực (2 ngón trở)

Lưng phần đầu dính nhau

Thiên Trí (2 ngón cái) kèm nhau duỗi  
**Nhiễm Giao Ấn** liền thành  
Tên **Kế Lý Kế La** (Kilikila)

\_ Tiếp bày tướng Ma Kiệt  
Tiến Độ (ngón trỏ phải) móc Nguyệt Độ (ngón giữa trái)  
Giới Phương (2 ngón vô danh) duỗi thành kim  
Hợp Đàn Tuệ (2 ngón út) dựng thẳng  
Thiên Trí (2 ngón cái) tự kèm nhau  
Đầu đê bên Tiến Lực (2 ngón trỏ)  
Tướng **Ái Khế** đã thành

\_ Chẳng sửa Ấn lúc trước  
Từ ngoài chạm bắp vế  
Phải trái cũng như vậy  
**Nội Cúng Dường** với Minh  
Nghiêng vắn Kim Cương Chưởng  
Ném trên làm **Hoa Ấn**  
Chẳng bung thành **Thiên Ấn** (Thiên Hương Ấn)  
Thiên Trí (2 ngón cái) bức thành **Đăng** (Đèn sáng)  
**Đồ Hương** y ngực mở  
**Hỷ Hỷ** chuyển xoay lễ  
**Tiểu Khế** sát bên miệng  
Từ Đàn Tuệ (2 ngón út) mở dần

\_ Lại kết **Ca Ấn** ấy  
Sửa Tiến Độ (ngón trỏ phải) hơi co  
Định vũ (tay trái) Khư Tra Ca  
Tuệ (tay phải) tác tướng Tam Tràng (3 cây phướng)  
Ở trái tim, xoay múa  
**Tám Cúng Dường** đã điều

\_ Tiếp kết Kim Cương Phộc  
Sửa Tiến Lực (2 ngón trỏ) hơi co  
Triệu dần, **Câu Khế** ấy  
Từ Phộc, **sách** sẽ sinh  
Thiên Độ (ngón trái phải) mở Trí (ngón cái trái) Lực (ngón trỏ trái)  
Ấn thành lại làm **Tỏa**

Hoàn Tiến (ngón trở phải) Thiên (ngón cái phải) Trí (ngón cái trái) Lực (ngón trở trái)

Vịn xong liền thành câu (móc câu)

\_Lại tác Kiên Cố Phộc

Thiên Trí (2 ngón cái) dưới Giới Phương (2 ngón vô danh)

Ngay ngực liền dao động

Làm **Khánh**, bốn **Nhiếp** thành

Tam Muội Gia Chân Ngôn

Đồng câu Yết Ma trước

Kim Cương Tát Đỏa vị

Với nơi Hành Giả ở

Đều có mười sáu Tôn

Vây quanh đoàn nghiêm trụ

\_Lại **Tụng**, tiếp đã bày

Tán Tối Thắng chân thật

Có thể vừa xưng niệm

Mau khiến tròn Tất Địa

“**Ma ha tố khư (1) Ma ha la nga (2) Ma ha phộc nhật-la (3) Ma ha đà na (4) Ma ha chỉ-nhương na (5) Ma ha yết ma (6) Phộc nhật-la tát đát-phộc nễ-dã (7) Tất địa-dã minh (8)**”

म ह त्तु सु ख म ह त्तु र ग म ह त्तु व ज्र म ह त्तु ध न म ह त्तु ज्ञ न म ह त्तु क र्म व ज्र स त्तु व म ह त्तु म

MAHÀ SUKHA \_ MAHÀ RÀGA \_ MAHÀ VAJRA \_ MAHÀ DHANA \_ MAHÀ JÑÀNA \_ MAHÀ KARMA \_ VAJRASATVA DYA \_ SIDDHYA MI

Tụng Tán, tiếng xong rồi

Quán niệm Bản Sở Tôn

Thân tâm chẳng tán loạn

Nân đội nơi Châu Man (tràng hạt)

Ngay tim dùng gia trì

Rồi tụng Chân Ngôn là:

“**An, phộc nhật-la ngu tứ-dã, nhạ ba, tam ma duệ, hồng**”

ॐ वज्र गुह्य रूप समये हूं

OM VAJRA GUHYA JÀPA SAMAYE HÙM

\_Tiếp tụng Bản Sở Tôn

Cầm chuỗi trụ **Đẳng Dẫn**  
Chẳng lay động đầu lưỡi  
Môi răng đều hợp nhau  
Kim Cương Ngữ lia tiếng  
Rõ ràng, quán tướng tốt  
Bốn Thời chẳng gián đoạn  
Xong trăm ngàn (10 vạn biến) làm hạn  
Hoặc lại vượt số đấng  
Chân Ngôn xưng như vậy”  
**“An, phộc nhật-la tát đát-phộc, ác”**  
ॐ वज्रसत्वा हः  
OM VAJRA-SATVA AH

Niệm tụng phần hạn xong  
Nâng chuỗi phát Nguyện lớn (Đại Nguyện)  
Liên kết **Căn Bản Ấn**  
Tụng **Bản Minh** bảy biến  
Lại tu **tám Cúng Dường**  
Dùng diệp thanh tụng tán  
Dâng hiến nước At Già  
Giải Giới với các Ấn  
Liên kéo Tam Muội Quyền  
Mật Tụng rồi kéo mở  
Tiếp kết **Yến Ma Noa**  
Ba tụng ba mở tay  
Mỗi một nơi sinh Ấn  
Mỗi mỗi tự sẽ giải  
Liên tụng Chân Ngôn là:  
**“An, phộc nhật-la, mục”**  
ॐ वज्रसत्वा मुहः  
OM VAJRA MUH

Tiếp kết **Phụng Tống Ấn**  
Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc  
Dựng Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) như kim  
Tụng xong, ném lên trên  
Rồi tụng Chân Ngôn là:

“An, cật-li đở phộc tát phộc tát đát-phộc la-tha, tất địa ná đa dã tha nã nga  
nghiệt xa đặc-phạm, bột đà vĩ sái lam, bố na la nga ma na dã đở. An, phộc nhật-la  
tát đát-phộc, mục”

ॐ ऋतवाह सद्धा सत्वार्था सिद्धिर्दत्ता यथा  
अनुगच्छध्वम् बुद्धा विषयाम् पुनरागा मनयतु  
ॐ वाज्रसत्वा मुह

OM KRTOVAH SADDHA SATVÀRTHA SIDDHIRDATTÀ YATHA  
ANUGÀGACCHADHVAM BUDDHA VIṢAYAM PUNARÀGA MANAYATU \_  
OM VAJRASATVA MUH

Tiếp nên kết **Bảo Ấn**

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc

Tiến Lực (2 ngón trỏ) như hình bấu

Thiền Trí (2 ngón cái) cũng như thế

Ấn tướng từ tim khởi

Đặt ở nơi Quán Đỉnh

Chia tay như hệ man (cột vòng hoa)

Cũng thành **Giáp Trụ Ấn**

Chân Ngôn xưng như vậy:

“An, phộc nhật-la la đát-na tỳ tru giả hàm. Tát phộc mẫu nại-la mê nại-li trĩ  
củ lỗ, phộc la ca phộc chế na\_ Phạm”

ॐ वाज्ररत्ना अभिषिम्मा सत्सुखं य इदं कुर्वन् वाज्र कवचं वं

OM – VAJRA-RATNA ABHIṢIMCA MAM- SARVAMUDRA ME, DRDHI  
KURU, VAJRA KAVÀCENA – VAM

Gia trì **Bị Giáp** xong

Ngay chưởng vỗ ba lần

Khiến Thánh Chúng vui vẻ

Dùng Chân Ngôn Ấn này

Giải Phộc được vui vẻ

Rồi tụng Chân Ngôn là:

“An, phộc nhật-la đở sắt-dã, hộc”

ॐ वाज्र तुष्य ऋ

OM VAJRA TUṢYA HOH

Phụng Tống Thánh Chúng xong

Tự tác Gia Trì, dứt

Liền ra khỏi Đạo Trường

Tùy ý tự Kinh Hành

Chuyển đọc Đại Thừa Điển



Điều tức thân tâm mình  
Tâm thường tưởng Bản Tôn  
Nhân Giả nên tuân phụng.

KIM CƯƠNG ĐỈNH THẮNG SƠ DU GIÀ PHỔ HIỀN BỒ TÁT  
NIỆM TỤNG PHÁP  
(Hết)

27/07/2006